

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH S**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **40/2018/QĐST-HNGĐ**

S, ngày 26 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 158/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**; Địa chỉ: Số 21 đường Ngô Gia Tự, Khóm 3, Phường 6, thành phố S, tỉnh S; chỗ ở hiện nay: Nhà số 02, khu D, khu dân cư Đoàn Thị Điểm, phường 3, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Hoàng N**; Địa chỉ: 03, đường Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố S, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành B**, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 21 đường Ngô Gia Tự, Khóm 3, Phường 6, thành phố S, tỉnh S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Hà T**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số 23, đường Mai T Thề, phường 9, thành phố S, tỉnh S.

+ **Ngân hàng p**; Địa chỉ trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, Hoàng Liệt, hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Bà **Trần Thị T** – chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng p Việt Nam – chi nhánh S; Địa chỉ: 32, đường Trần Hưng Đạo, phường 2, thành phố S, tỉnh S.

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**; Địa chỉ: Số 21 đường Ngô Gia Tự, Khóm 3, Phường 6, thành phố S, tỉnh S; chỗ ở hiện nay: Nhà số 02, khu D, khu dân cư

Đoàn Thị Điềm, phường 3, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Hoàng N**; Địa chỉ: 03, đường Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố S, tỉnh S.

- Bí đơn: Ông **Nguyễn Thành B**, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 21 đường Ngô Gia Tự, Khóm 3, Phường 6, thành phố S, tỉnh S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Hà T**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số 23, đường Mai T Thế, phường 9, thành phố S, tỉnh S.

+ **Ngân hàng p**; Địa chỉ trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, Hoàng Liệt, hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Bà **Trần Thị T** – chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng p Việt Nam – chi nhánh S; Địa chỉ: 32, đường Trần Hưng Đạo, phường 2, thành phố S, tỉnh S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thành B đều thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thành B trình bày có hai người con chung tên Nguyễn Thị Phương Dung, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Cẩm Giang, sinh năm 1990. Do hai người con đã trưởng thành và có công việc ổn định, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thành B trình bày có phần đất có diện tích 39.0m², thửa số 296, tờ bản đồ số 33 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà số 21, đường Ngô Gia Tự, khóm 3, phường 6, thành phố S, tỉnh S theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Đ 016829 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp cho hộ ông Nguyễn Thành B vào ngày 07/6/2004.

Sau khi ly hôn bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thành B thống nhất giao toàn bộ tài sản trên cho ông Nguyễn Thành B sử dụng và quản lý.

Theo biên bản họp Hội đồng định giá thì giá trị phần đất và căn nhà trên là 163.543.463, bà Liễu và ông B đều thống nhất với giá trên. Đồng thời ông B và bà Liễu thống nhất ông bà mỗi người chịu 50% án phí chia tài sản chung.

2.4 Về nợ chung: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thành B thống nhất sau khi ly hôn ông Nguyễn Thành B có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

+ Nợ Ngân hàng p tạm tính đến ngày 17/4/2018, vốn là 49.400.000 đồng; lãi là 311.934 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 49.711.934 đồng.

Thời gian và phương thức trả tiền: Ông Nguyễn T B trả số tiền vốn và lãi 49.711.934 cho Ngân hàng p vào ngày 17/5/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng p đồng ý cho ông B trả số tiền 49.711.934 đồng và đồng ý nhận số tiền 49.711.934 đồng của ông B trả và đồng ý phương thức và thời gian ông B đưa ra.

Địa điểm trả tiền: Tại Ngân hàng p – Chi nhánh tỉnh S; địa chỉ: Số 32, đường Trần Hưng Đạo, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh S.

Kể từ ngày 18/4/2018 bị đơn ông Nguyễn Thành B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trong sổ vay vốn trên số tiền gốc vay chưa T toán.

+ Nợ của ông Hà T tạm tính đến ngày 17/4/2018 vốn là 70.000.000 đồng, ông Hà T không yêu cầu trả lãi.

Thời gian và phương thức trả tiền: Ông Nguyễn Thành B trả số tiền vốn là 70.000.000 đồng cho ông Hà T vào ngày 17/4/2023.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà T đồng ý cho ông B trả số tiền vốn 70.000.000 đồng và đồng ý nhận số tiền 70.000.000 đồng của ông B trả và đồng ý phương thức và thời gian ông B đưa ra.

Ông Nguyễn Thành B và ông Hà T thống nhất về án phí đối với phần nợ 70.000.000 đồng mà ông B nợ ông Hà T thì ông Hà T đồng ý chịu toàn bộ phần án phí.

Địa điểm giao nhận tiền: Ông Hà T và ông Nguyễn Thành B tự thỏa thuận.

Kể từ ngày ông Hà T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Thành B còn phải trả lãi cho ông Hà T theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

2.5 Về án phí:

2.5.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000 đồng Phạm Thị L đồng ý chịu toàn bộ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0007729 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng.

2.5.2 Án phí chia tài sản chung:

Bà Phạm Thị L đồng ý chịu 2.044.294 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0007728 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 4.205.706 đồng.

Ông Nguyễn Thành B đồng ý chịu 2.044.294 đồng án phí chia tài sản chung.

2.5.3 Án phí nợ chung:

Ông Hà T đồng ý chịu 1.750.000 đồng (trên khoản nợ của ông Nguyễn Thành B nợ ông Hà T là 70.000.000 đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Hà T đã nộp theo biên lai thu số 0000194 ngày 31/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S. Ông Hà T đã nộp xong án phí.

Ông Nguyễn Thành B đồng ý chịu 1.242.555 đồng (trên khoản nợ của ông Nguyễn Thành B nợ của Ngân hàng p là 49.711.934 đồng).

+ Chí phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.200.000 đồng bà Phạm Thị L đồng ý chịu toàn bộ và bà Liễu đã nộp xong.

3). Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4). Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh S;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND Phường 6, TPST. ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định